

Bản án số: 57/2020/HS-ST
Ngày: 22-7-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Chung**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Văn Thả**;

Ông **Phan Ngọc Thạch**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Phú**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Thái Thanh** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 7 năm 2020, tại Trung tâm văn hóa học tập cộng đồng xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công Ki vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 63/2020/TLST-HS ngày 08 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2020/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 7 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Lâm Văn T, sinh năm 1981 tại Campuchia; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Không có; chỗ ở hiện nay: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Văn N và bà Phạm Thị A (chết); có vợ là Đinh Thị C và 03 người con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không có; bị bắt tạm giam từ ngày 30/5/2020 đến nay (có mặt).

2. Châu Văn H, sinh năm 1993 tại Campuchia; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Không có; chỗ ở hiện nay: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Châu Văn S và bà Lâm Thị P; có vợ là Nguyễn Thị C và 03 người con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không có; bị bắt tạm giam từ ngày 30/5/2020 đến nay (có mặt).

3. Dương Văn T, sinh năm 1987 tại Campuchia; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Không có; chỗ ở hiện nay: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn B (chết) và bà Nguyễn Thị T; có vợ là Châu Thị M và 02 người con sinh năm 2011 và 2018; tiền án, tiền sự: Không có; bị bắt tạm giam từ ngày 30/5/2019 đến nay (có mặt).

4. Nguyễn Văn C, sinh năm 1964 tại Campuchia; nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (chết) và bà Hứa Thị M (chết); có vợ là Nguyễn Thị D và 05 người con, lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 1999; tiền án, tiền sự: Không có; bị bắt tạm giam từ ngày 30/5/2020 đến nay (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2016, Lâm Văn T từ Campuchia về Việt Nam sinh sống tại Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, đây là xã nội địa của huyện T, tỉnh Tây Ninh. Trong thời gian sinh sống tại địa phương, T thường xuyên qua lại biên giới trái phép nên thông thạo đường tiểu ngạch qua lại biên giới Việt Nam và Campuchia. Trong tháng 5/2020, mặc dù biết được chủ trương của Chính Phủ về việc nghiêm cấm qua lại biên giới phòng ngừa lây lan dịch bệnh Covid-19 nhưng Lâm Văn T đã chủ động rủ rê Châu Văn H, Dương Văn T, Nguyễn Văn C lén lút tổ chức thực hiện đưa 05 người xuất cảnh trái phép sang Campuchia nhằm thu lợi bất chính. Cụ thể như sau:

Khoảng 16 giờ, ngày 06/5/2020, T được Bùi Văn K, sinh năm 1987, ngụ ấp A, xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh gọi điện thoại thuê đến nhà chờ K và Phạm Văn D, sinh năm 2003, ngụ cùng địa chỉ với K cùng một số đồ dùng cá nhân sang Campuchia. T đồng ý và thỏa thuận đưa qua biên giới bằng đường tiểu ngạch với giá tiền là 1.000.000 đồng và hẹn khoảng 01 giờ 30 phút ngày 07/5/2020 đến nhà K chờ đi. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, T được Lê Văn T, sinh năm 1992, ngụ ấp A, xã T, huyện T gọi điện thoại thuê đưa T cùng mẹ và em gái của T là bà Tô Thị N, sinh năm 1962 và Lê Thị H, sinh năm 1999 qua Campuchia. T đồng ý và thỏa thuận đi bằng đường tiểu ngạch sang Campuchia với giá 450.000 đồng/01 người, hẹn 04 giờ ngày 07/5/2020 sẽ tổ chức đưa đi. Sau đó, Lâm Văn T gọi điện thoại rủ Châu Văn H, Dương Văn T, Nguyễn Văn C cùng đưa người xuất cảnh trái phép sang Campuchia theo đường tiểu ngạch để lấy tiền chia nhau tiêu xài thì tất cả đồng ý. Đến 01 giờ 30 phút, ngày 07/5/2020, T điều khiển xe mô tô Honda Wave RSX màu đỏ, biển số 70C1- 24438; T điều khiển xe mô tô Honda Wave RSX màu đỏ biển số 70E1- 33925 cùng đi đến xã P, huyện D chờ K, D cùng 03 bao đồ cá nhân đến Ngã tư khu vực thuộc xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Tại đây, T gọi điện thoại kêu H điều khiển xe mô tô Honda Wave màu xanh biển số 70B1- 00097 đến Ngã tư khu vực đứng đợi cùng với T1, K và D. T chạy xe về Ngã tư xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh cùng C điều khiển xe mô tô Yamaha Sirius màu đỏ, biển số 70K1-35039 đến khu vực B C thuộc xã T chờ T, N, H đến tập trung ở Ngã tư khu vực với K và D. Tại đây, T phân công nhiệm vụ: T chở anh T, anh K; H chở 01 túi đồ và anh D; C chở

bà N, chị H; T chở 02 túi đồ rồi cả nhóm cùng đi đến khu vực ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh theo đường tiểu ngạch xuất cảnh trái phép sang Campuchia. Khi đến biên giới Campuchia bị lực lượng chức năng Campuchia phát hiện đẩy đuổi quay về Việt Nam thì bị lực lượng Đồn biên phòng Chàng Riệc tuần tra phát hiện lập biên bản vi phạm. T, H, T, C chưa nhận được tiền công từ anh K, anh T.

Quá trình điều tra, Lâm Văn T còn khai nhận từ tháng 12/2019 đến ngày 02/5/2020 đã 05 lần đưa, rước 06 người xuất, nhập cảnh trái phép bằng đường tiểu ngạch nhằm trốn tránh sự kiểm tra của lực lượng chức năng, mỗi lần đưa rước T lấy tiền công 250.000đ/người. Riêng ngày 02/5/2020, T cùng H từ xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh điều khiển xe mô tô đến khu vực biên giới thuộc xã L, huyện T, tỉnh Tây Ninh chở Lê Văn T, sinh năm 1981 (là bệnh nhân thứ 315 dương tính với dịch bệnh Covid-19) và Đỗ Văn P, sinh năm 1946 cùng ngụ ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (nhập cảnh trái phép từ Campuchia vào Việt Nam) về xã T với giá 1.500.000 đồng chia nhau tiêu xài.

Tại Cơ quan điều tra, T, H, Thành, C đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội.

Tại bản Cáo trạng số 67/CT-VKSTC ngày 07/7/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã truy tố các bị cáo T, H, T, C về tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo T, H, T, C phạm tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”. Đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm l khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo T từ 06 năm tù đến 07 năm tù.

Xử phạt các bị cáo H, T, C cùng mỗi bị cáo từ 05 năm tù đến 06 năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng đã thu giữ trong vụ án theo quy định pháp luật.

Các bị cáo không tranh luận.

Lời nói sau cùng của các bị cáo:

- Bị cáo T: Bị cáo đã biết sai, còn cha mẹ già, con nhỏ, xin được xử nhẹ.
- Bị cáo H: Bị cáo đã biết sai, xin giảm nhẹ hình phạt.
- Bị cáo T: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt để sớm về với gia đình.
- Bị cáo C: Bị cáo đã lớn tuổi, đang bị bệnh nên xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, của Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo thể hiện: Tại phiên tòa, các bị cáo **T, H, T, C** đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ do Cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ căn cứ xác định: Sáng ngày 07/5/2020, tại khu vực xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh, lợi dụng tình hình dịch bệnh Covid-19 và việc nghiêm cấm qua lại biên giới để phòng ngừa lây lan dịch bệnh của Chính Phủ, T cùng H, T, C sử dụng xe mô tô tổ chức đưa 05 người gồm anh Bùi Văn K, anh Phạm Văn D, anh Lê Văn T, bà Tô Thị N, chị Lê Thị H đi từ khu vực xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh đến khu vực ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Tây Ninh rồi theo đường tiểu ngạch xuất cảnh trái phép sang Campuchia. Khi đến biên giới bị lực lượng chức năng Campuchia phát hiện không cho nhập cảnh nên T cùng H, T, C đưa 05 người trên quay về Việt Nam thì bị lực lượng tuần tra Đồn biên phòng Chàng Riệc phát hiện.

Do đó, đã có đủ cơ sở kết luận các bị cáo **T, H, T, C** phạm tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự như luận tội của vị Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[3] Vụ án có tính chất rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh và cư trú. Trong bối cảnh cả nước đang phải gồng mình phòng chống dịch bệnh Covid-19, Chính phủ phải quyết định hy sinh lợi ích kinh tế của đất nước, phải chi ra những khoản tiền rất lớn để thực hiện việc cách ly, giãn cách xã hội, hỗ trợ nhân dân, doanh nghiệp gặp khó khăn để đảm bảo an toàn sức khỏe, tính mạng cho nhân dân, phải cấm xuất nhập cảnh trái phép nhằm ngăn ngừa dịch bệnh. Ngược lại, các bị cáo không những không chung tay góp sức, trong khi các bị cáo đều không phải là người có chức năng, quyền hạn, mà lại có hành vi tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép nhằm thu lợi bất chính cho bản thân là vi phạm pháp luật, gây nguy hiểm cho cộng đồng, gây mất trật tự, an ninh biên giới. Khi thực hiện tội phạm các bị cáo biết rõ việc tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện nên phải chịu trách nhiệm hình sự do chính hành vi của các bị cáo gây ra và cần xử lý nghiêm.

[4] Trong vụ án này các bị cáo đã bàn bạc, cấu kết với nhau để tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép. Trong đó, bị cáo T là người khởi xướng, thỏa thuận

giá cả với anh K, anh T, chủ động rủ rê, phân công các bị cáo khác tham gia, trực tiếp thực hiện tội phạm, có vai trò tích cực nhất nên chịu trách nhiệm hình sự cao nhất. Bị cáo H ngoài lần này ra đã từng giúp bị cáo T chở anh Lê Văn T là bệnh nhân Covid-19 số 315 nhập cảnh trái phép vào Việt Nam nên chịu trách nhiệm hình sự thấp hơn bị cáo T. Các bị cáo T, C cùng tích cực tham gia thực hiện tội phạm như nhau nhưng có vai trò thấp hơn bị cáo H nên chịu trách nhiệm ngang nhau và thấp hơn bị cáo H.

[5] Khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

[5.1] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tất cả các bị cáo đều thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo lợi dụng hoàn cảnh dịch bệnh để phạm tội nên đều thuộc trường quy định tại điểm l khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[6] Xét thấy, với hành vi phạm tội của các bị cáo cần xử phạt tù, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục, răn đe các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[7] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều có hoàn cảnh khó khăn, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

[8.1] Đối với: Xe mô tô hiệu Wave RSX màu đỏ đen, biển số 70C1-244.38, số máy JA38E-0259698, số khung RLHJA3820GY125942 kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký xe và điện thoại di động hiệu Realme màu đen, số imel 1: 869566047698956, số imel 2: 869566047698949 thu giữ của bị cáo T; xe mô tô hiệu Wave màu xanh, biển số 70B1-000.97, số máy 0194826, số khung Y0870272 kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký xe thu giữ của bị cáo H; xe mô tô hiệu Wave RSX màu đỏ, biển số 70E1-339.25, số máy JA38E0024557, số khung GY008953 kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký xe và điện thoại di động hiệu Camfone màu vàng (thực tế kiểm tra có màu xanh), số imel 1: 354345098753867 thu giữ của bị cáo T; xe mô tô hiệu Yamaha loại Sirius màu đỏ, biển số 70K1-350.39, số máy E3T6E074176, số khung 1710GY050130 kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký xe và điện thoại di động hiệu Nokia 150 màu đen, số imel: 0892521571 thu giữ của bị cáo C đều là phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

[8.2] Đối với sim điện thoại số 0976222635 thu giữ của bị cáo T; sim điện thoại số 0843305257 thu giữ của bị cáo T; 02 sim điện thoại số 0366557308 và 0947814708 thu giữ của bị cáo C được trả lại cho các bị cáo.

[9] Đối với hành vi của bị cáo T 05 lần đưa, rước người xuất cảnh, nhập cảnh trái phép; bị cáo H 01 lần rước người nhập cảnh trái phép đã thực hiện trước ngày 07/5/2020 không cấu thành tội phạm nên Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm 1 khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Lâm Văn T 06 (sáu) năm tù** về tội “**Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép**”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/5/2020.

Xử phạt bị cáo **Châu Văn H 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù** về tội “**Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép**”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/5/2020.

Xử phạt bị cáo **Dương Văn T 05 (năm) năm tù** về tội “**Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép**”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/5/2020.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn C 05 (năm) năm tù** về tội “**Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép**”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/5/2020.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

2.1 Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước: Xe mô tô hiệu Wave RSX màu đỏ đen, biển số 70C1-244.38, số máy JA38E-0259698, số khung RLHJA3820GY125942 kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký xe và điện thoại di động hiệu Realme màu đen, số imel 1: 869566047698956, số imel 2: 869566047698949 thu giữ của bị cáo Lâm Văn T; xe mô tô hiệu Wave màu xanh, biển số 70B1-000.97, số máy 0194826, số khung Y0870272 kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký xe thu giữ của bị cáo Châu Văn H; xe mô tô hiệu Wave RSX màu đỏ, biển số 70E1-339.25, số máy JA38E0024557, số khung GY008953 kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký xe và điện thoại di động hiệu Camfone màu vàng (thực tế kiểm tra có màu xanh), số imel 1: 354345098753867 thu giữ của bị cáo Dương Văn T; xe mô tô hiệu Yamaha loại Sirius màu đỏ, biển số 70K1-350.39, số máy E3T6E074176, số khung 1710GY050130 kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký xe và điện thoại di động hiệu Nokia 150 màu đen, số imel: 0892521571 thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn C.

2.2 Trả lại sim điện thoại số 0976222635 cho bị cáo Lâm Văn T; sim điện thoại số 0843305257 cho bị cáo Dương Văn T; 02 sim điện thoại số 0366557308 và 0947814708 cho bị cáo Nguyễn Văn C (tất cả đều không kiểm tra số sim).

(Vật chứng đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/6/2020).

3. Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Các bị cáo Lâm Văn T, Châu Văn H, Dương Văn T, Nguyễn Văn C **mỗi bị cáo** phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H. Tân Châu;
- CCTHA-DS H. Tân Châu;
- CQĐT Công an H. Tân Châu;
- Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh;
- Công an tỉnh Tây Ninh – Phòng PV 06;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- THA phạt tù;
- Lưu tập án, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Chung